



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent- Freedom - Happiness

Số: 02/2025/CV CBTT - BNA

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025
Hanoi, January 25th 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/The State Commission of
Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to the provisions of Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Bao Ngoc Investment Group Joint Stock Company shall disclose the financial statements (FS) for the fourth quarter of 2024 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC/BAONGOC INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: BNA
- Địa chỉ/Address: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội/ Bao Ngoc Building, Lot A2 CN8, Tu Liem Industrial Park, Phuong Canh Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 24 3780 5022 Fax: (+84) 24 3780 5024
- Email: admin@banhbaongoc.vn Website: https://banhbaongoc.vn/.

2. Nội dung thông tin công bố/Content of disclosure information:

- BCTC quý 04/năm 2024/Financial Statement of 4th 2024.....
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/Separate financial statements (listed company without subsidiaries);
- BCTC hợp nhất/Conslidated Financial Statement (TCNY có công ty con/Listed company with subsidiaries);



BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) /General financial statements (listed company have their own accounting units and separate accounting apparatus).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/Case requires explanation:

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán) *The audit organization gives an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):*

Có/yes

Không /No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/Explanatory text in case "Yes":

Có/Yes

Không/No

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước *Profit after corporate income tax in the business results report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period report of the previous year.:*

Có /yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanatory text in case "Yes"::

Có /Yes

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại *Profit after tax in the reporting period is a loss, changing from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:*

Có

Không

- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanatory text in case "Yes":

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 25/01/2024 tại đường dẫn: <https://banhbaongoc.vn/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024/ *Report on transactions worth 35% or more of total assets in 2024.* Không

Trường hợp có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau *In case of transaction, please report the following contents in full.:*

- Nội dung giao dịch/*Content of transaction:*.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*) • *Ratio of transaction value/total asset value of the enterprise (%) (based on the most recent financial report);*;
- Ngày hoàn thành giao dịch/*Completed date of transaction:*.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *We hereby commit that the information*



published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information.

Tài liệu đính kèm/Attached Documents:

- BCTC quý 4//2024 của Công ty mẹ và hợp nhất/Seperated and consolidated FS Q\$2024
- Văn bản giải trình số: 05/2025/CV-BN
- Explanation doc no: 05/2025/CV-BN

Người Ủy quyền CBTT/Authorized person of Disclosure Information



Nguyễn Thảo Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2025/CV – BN
V/v: Giải trình giảm lợi nhuận sau thuế
trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc (BNA)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0105950129

Trụ sở: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 7805 022

website: <http://banhbaongoc.vn>

Căn cứ vào khoản 4 điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC- Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc xin giải trình liên quan đến Báo cáo Quý 4 năm 2024 cụ thể như sau:

Tại báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2023, số liệu theo bảng dưới đây:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Chênh lệch (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,797,290,667	12,129,075,893	-35.71%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	364,088,651,159	392,509,370,744	-7.24%
Giá vốn hàng bán	331,329,513,416	355,678,786,844	-6.85%

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Chênh lệch (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12,968,481,321	16,140,077,812	-19.65%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	629,557,303,711	572,864,950,373	9.90%
Giá vốn hàng bán	578,541,674,041	521,525,399,049	10.93%



Lý do chênh lệch trên báo cáo riêng và hợp nhất:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý 4 năm 2024 thấp hơn Quý 4 năm 2023 (doanh thu báo cáo riêng giảm -35.71%, doanh thu báo cáo hợp nhất tuy có tăng tuy nhiên lợi nhuận gộp giảm) làm lợi nhuận của Quý 4 năm 2024 thấp hơn Quý 4 năm 2023.
- Do giá cả nguyên vật liệu đầu vào Quý 4 năm 2024 cao hơn Quý 4 năm 2023 nên giá vốn hàng bán Quý 4 năm 2024 cao hơn Quý 4 năm 2023, mặt khác lãi suất ngân hàng không thuyên giảm làm tăng chi phí lãi vay đã làm giảm lợi nhuận của Công ty trong Quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2024 đã được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://banhbaongoc.vn>. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng tải lên Website;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ BẢO NGỌC
Chủ tịch HĐQT**



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đức Thuận



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-42



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuần	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,217,730,999,655	946,686,323,869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	77,440,195,967	69,971,637,261
1. Tiền	111		29,227,257,811	19,851,637,261
2. Các khoản tương đương tiền	112		48,212,938,156	50,120,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	34,907,669,396	24,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34,907,669,396	24,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		654,214,285,840	402,754,679,751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	519,833,486,706	188,827,939,789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	127,268,983,481	213,515,202,289
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7,111,815,653	411,537,673
IV. Hàng tồn kho	140	10	431,681,932,045	438,414,293,965
1. Hàng tồn kho	141		431,681,932,045	438,414,293,965
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,486,916,407	11,545,712,892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	7,453,216,578	5,298,928,027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,023,931,716	1,246,384,865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	5,009,768,113	5,000,400,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		406,240,798,788	169,009,849,922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150,000,000	150,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	150,000,000	150,000,000
II. Tài sản cố định	220		309,760,622,933	147,833,958,399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	307,189,440,765	144,024,965,064
- Nguyên giá	222		397,975,891,009	227,435,921,452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90,786,450,244)	(83,410,956,388)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	221,145,834
- Nguyên giá	225		-	990,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(768,854,166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	2,571,182,168	3,587,847,501
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,527,274,499)	(2,510,609,166)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	74,727,222,201	3,484,769,913
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		74,727,222,201	3,484,769,913
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21,602,953,654	17,541,121,610
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	18,206,502,649	15,131,570,386
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	2,239,369,258	1,983,427,255
3. Lợi thế thương mại	269		1,157,081,747	426,123,969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,623,971,798,443	1,115,696,173,791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,085,891,212,428	635,618,419,038
I. Nợ ngắn hạn	310		929,681,796,982	629,778,469,038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	136,931,952,321	91,018,311,346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	61,879,832,324	56,753,444,018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	19,675,064,679	24,895,455,311
4. Phải trả người lao động	314		2,499,230,512	3,628,026,050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	438,279,632
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		878,181,818	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	817,448,942	162,194,443
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	705,642,966,491	452,882,758,238
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,357,119,895	-
II. Nợ dài hạn	330		156,209,415,446	5,839,950,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	966,000,000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	155,243,415,446	5,839,950,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		538,080,586,015	480,077,754,753
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	538,080,586,015	480,077,754,753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312,493,940,000	249,998,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312,493,940,000	249,998,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,055,393,794	1,698,273,899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123,592,496,402	135,726,492,731
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		70,516,862,941	91,935,549,404
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53,075,633,461	43,790,943,327
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18,960,355,819	12,676,038,123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,623,971,798,443	1,115,696,173,791

aml

ly



lê đức thuận

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2024		Quý IV năm 2023		Từ 01/01/2024		Từ 01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	632,946,954,469	580,177,177,848	1,740,538,474,234	1,448,469,697,669				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3,389,650,758	7,312,227,475	14,476,875,988	15,862,831,877				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		629,557,303,711	572,864,950,373	1,726,061,598,246	1,432,606,865,792				
4. Giá vốn hàng bán	11	26	578,541,674,041	521,525,399,049	1,546,123,500,849	1,269,690,772,321				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51,015,629,670	51,339,551,324	179,938,097,397	162,916,093,471				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2,091,571,341	742,550,010	8,544,307,078	3,703,986,685				
7. Chi phí tài chính	22	28	15,531,584,279	8,154,095,916	41,763,745,037	35,099,847,238				
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,172,438,702	7,398,103,077	38,305,188,763	33,562,518,427				
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-				
9. Chi phí bán hàng	25	29	11,753,029,176	15,023,247,227	47,198,843,330	43,926,801,998				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	9,024,048,229	6,942,859,293	28,485,362,060	24,548,278,112				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		16,798,539,327	21,961,898,898	71,034,454,048	63,045,152,808				
12. Thu nhập khác	31		2,155,506,108	23,652,085	2,190,514,921	9,761,112				
13. Chi phí khác	32		2,001,260,583	1,108,100,936	4,153,922,818	5,340,096,129				
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		154,245,525	(1,084,448,851)	(1,963,407,897)	(5,330,335,017)				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16,952,784,852	20,877,450,047	69,071,046,151	57,714,817,791				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2024		Quý IV năm 2023		Từ 01/01/2024		Từ 01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	đến 31/12/2023	đến 31/12/2023
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	3,304,441,069	3,965,980,791	15,562,402,874	13,912,290,570				
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		679,862,462	771,391,444	(255,942,003)	(554,167,273)				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>12,968,481,321</u>	<u>16,140,077,812</u>	<u>53,764,585,280</u>	<u>44,356,694,494</u>				
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		12,833,060,933	15,032,728,689	53,075,633,461	43,790,943,327				
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		135,420,388	1,107,349,123	688,951,819	565,751,167				
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32			2,135	1,752				

aml

Lại Thị Thu Hà
Người lập

U M

Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/12/2024	đến 31/12/2023 (đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69,071,046,151	57,714,817,791
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17,353,165,121	16,187,781,126
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1,453,830,360	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,465,342,310)	(1,268,520,662)
- Chi phí lãi vay	06		38,305,188,763	33,562,518,427
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(13,068,181)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121,717,888,085	106,183,528,501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(213,851,699,707)	(124,726,857,007)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,732,361,920	(34,417,668,941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		30,428,377,147	94,156,344,641
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5,229,220,814)	830,916,798
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38,305,188,763)	(33,124,238,796)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13,376,971,143)	(16,003,145,032)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		993,000,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(483,925,780)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(111,375,379,055)	(7,101,119,836)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(194,734,551,375)	(26,181,813,980)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21,231,835,032)	(648,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,324,165,636	10,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(80,013,912,593)	(4,521,812,554)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,310,234,030	1,268,520,662
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(283,345,899,334)	(30,073,105,872)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1,860,188,684,864	1,210,699,544,707
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,457,827,810,861)	(1,112,774,131,506)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(197,200,304)	(187,121,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		402,163,673,699	97,738,292,201

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/12/2024	đến 31/12/2023 (đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7,442,395,310	60,564,066,493
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69,971,637,261	9,407,399,768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26,163,396	171,000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>77,440,195,967</u>	<u>69,971,637,261</u>

 

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17 tháng 12 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 312.493.940.000 đồng; tương đương 31.249.394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 4

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3
- Số lượng công ty con được hợp nhất gián tiếp: 1

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49.33%	51.00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam (*)	Hà Nam	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam với số tiền là 99.000.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99%.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	05 - 44 năm
---------------------	-------------

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	14,170,027,681	7,258,105,379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15,057,230,130	12,593,531,882
Các khoản tương đương tiền	48,212,938,156	50,120,000,000
	77,440,195,967	69,971,637,261

Tại 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,5% - 3,2%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	34,907,669,396	34,907,669,396	24,000,000,000	24,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	34,907,669,396	34,907,669,396	24,000,000,000	24,000,000,000
	34,907,669,396	34,907,669,396	24,000,000,000	24,000,000,000

Tại 31/12/2024, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Goodchoice Việt Nam	961,251,962	11,758,294,480
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	15,475,088,750	-
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	8,828,653,939	4,120,665,490
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Ngọc Bảo	5,463,636,049	767,743,423
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Bavigo	4,931,220,300	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ B2B Sen Vàng	3,437,267,138	3,240,497,124
Công ty Cổ phần Dược phẩm FDV Việt Nam LLC Hayat	35,562,286,464	-
UAB Baltic Gate Terminal	31,664,638,774	15,728,642,787
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	-	20,016,812,558
Triton Trade Limited	16,871,037,875	-
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	11,603,361,265	-
Bestfood Co., LTD	8,038,738,234	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	7,205,617,278	-
	369,790,688,678	133,195,283,927
	519,833,486,706	188,827,939,789
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	5,080,164,719	49,750,865

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Aloland	-	-	34,002,250,000	-
Công ty Cổ phần phân phối HDE	16,761,654,357	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An	-	-	120,741,479,000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	65,147,027,088	-	15,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	3,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	18,969,150,487	-	29,779,000,000	-
Trả trước khác	23,391,151,549	-	13,992,473,289	-
	127,268,983,481	-	213,515,202,289	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên	4,374,601,932	-	9,700,243,139	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>				

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	180,328	-	2,885,717	-
Tạm ứng	6,525,000,000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	483,925,780	-	27,000,000	-
Phải thu khác	102,709,545	-	381,651,956	-
	7,111,815,653	-	411,537,673	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	150,000,000	-	150,000,000	-
	150,000,000	-	150,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	230,465,858,484	-	218,767,650,672	-
Công cụ, dụng cụ	54,304,911	-	348,897,761	-
Thành phẩm	1,696,531,527	-	5,871,820,798	-
Hàng hoá	89,600,338	-	203,143,077,207	-
Hàng gửi đi bán	199,375,636,785	-	10,282,847,527	-
	431,681,932,045	-	438,414,293,965	-

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	74,727,222,201	3,484,769,913
Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam ⁽¹⁾	26,202,778,600	-
Sửa chữa văn phòng	5,908,369,161	3,210,682,042
Thiết kế Website	255,252,000	255,252,000
Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam ⁽²⁾	42,360,822,440	-
Cải tạo xưởng sản xuất	-	18,835,871
	74,727,222,201	3,484,769,913

⁽¹⁾ Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1056084566 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2025. Mục tiêu của dự án là sản xuất các loại bánh từ bột. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô B13b/I, đường số 2A, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

⁽²⁾ Dự án là toàn bộ nhà xưởng sản xuất và nhà văn phòng là tài sản gắn liền với thửa đất thuộc tờ bản đồ số 00 tại Lô CNI, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, huyện Từ Liêm (nay thuộc phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất được ký kết ngày 13/07/2024 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	91,583,170,326	124,881,562,473	9,049,700,908	1,753,057,745	168,430,000	227,435,921,452
Mua sắm	122,923,218,541	33,808,400,000	220,000,000	4,393,324,360	44,700,000	161,389,642,901
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34,334,908,474	-	-	-	-	34,334,908,474
Thanh lý, nhượng bán	-	(25,184,581,818)	-	-	-	(25,184,581,818)
Tại ngày 31/12/2024	248,841,297,341	133,505,380,655	9,269,700,908	6,146,382,105	213,130,000	397,975,891,009
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	35,868,198,457	40,419,808,260	5,918,501,999	1,072,460,260	131,987,412	83,410,956,388
Trích khấu hao	4,686,269,649	9,597,090,623	1,088,573,851	747,537,223	10,778,442	16,130,249,788
Thanh lý, nhượng bán (1)	-	(9,729,860,098)	-	-	-	(9,729,860,098)
Tăng do mua lại tài sản thuế tài chính	-	975,104,166	-	-	-	975,104,166
Tại ngày 31/12/2024	40,554,468,106	41,262,142,951	7,007,075,850	1,819,997,483	142,765,854	90,786,450,244
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	55,714,971,869	84,461,754,213	3,131,198,909	680,597,485	36,442,588	144,024,965,064
Tại ngày 31/12/2024	208,286,829,235	92,243,237,704	2,262,625,058	4,326,384,622	70,364,146	307,189,440,765

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.553.599.002 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.697.609.745 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 206.250.000 đồng. Ngày 21/11/2024, Công ty đã thực hiện mua lại tài sản cố định thuê tài chính, giá trị còn lại của tài sản cố định thuê tài chính tại ngày mua lại là 14.895.834 đồng.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 31/12/2024	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2,510,609,166	2,510,609,166
Trích khấu hao	1,016,665,333	1,016,665,333
Tại ngày 31/12/2024	3,527,274,499	3,527,274,499
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	3,587,847,501	3,587,847,501
Tại ngày 31/12/2024	2,571,182,168	2,571,182,168

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	676,279,556	2,636,388,081
Chi phí bảo hiểm	80,668,611	167,785,639
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	5,382,617,306	1,070,798,034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,313,651,105	1,423,956,273
	7,453,216,578	5,298,928,027
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3,780,831,914	185,595,854
Chi phí thuê đất	14,082,514,005	14,549,567,138
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	309,005,330	326,689,237
Chi phí trả trước dài hạn khác	34,151,400	69,718,157
	18,206,502,649	15,131,570,386

16 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Giá trị lợi thể thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	1,157,081,747	426,123,969
	1,157,081,747	426,123,969

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	11,179,758,762	11,179,758,762	7,557,860,767	7,557,860,767
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	15,840,908,924	15,840,908,924	79,526,496	79,526,496
Công ty TNHH XNK bột mỳ Tuấn Yên	11,641,054,721	11,641,054,721	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gia Bảo	16,181,043,900	16,181,043,900	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An	10,604,439,000	10,604,439,000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Á	-	-	13,488,886,488	13,488,886,488
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Hoa Thành	-	-	9,847,906,140	9,847,906,140
Các khoản phải trả khác	71,484,747,014	71,484,747,014	60,044,131,455	60,044,131,455
	136,931,952,321	136,931,952,321	91,018,311,346	91,018,311,346
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	567,497,685	567,497,685	1,251,125,559	1,251,125,559
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>				

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	48,000,000,000	48,000,000,000
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	-	75,220
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	-	3,655,057,966
Trả trước khác	13,879,832,324	5,098,310,832
	61,879,832,324	56,753,444,018

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa.

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)***2,189,485,986****-**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (Đã điều chỉnh hỏi tố)	5,000,400,000	11,012,465,901	4,034,291,105	11,207,387,839	5,008,768,113	3,847,737,280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13,641,941,825	15,455,861,252	13,376,971,143	-	15,720,831,934
Thuế Thu nhập cá nhân	-	105,111,585	83,421,267	133,013,387	-	55,519,465
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	135,936,000	572,479,758	657,439,758	-	50,976,000
Các loại thuế khác	-	-	1,126,448,349	1,126,448,349	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	99,000,000	100,000,000	1,000,000	-
	5,000,400,000	24,895,455,311	21,371,501,731	26,601,260,476	5,009,768,113	19,675,064,679

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	275,070,169	129,358,950
Bảo hiểm y tế	28,270,800	21,527,300
Bảo hiểm thất nghiệp	12,465,600	10,145,800
Phải trả khác	501,642,373	1,162,393
	<u><u>817,448,942</u></u>	<u><u>162,194,443</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	450,845,837,238	450,845,837,238	1,676,178,605,560	(1,443,542,915,289)	683,481,527,509	683,481,527,509
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	75,961,633,938	75,961,633,938	311,922,767,019	(275,630,126,575)	112,254,274,382	112,254,274,382
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	50,000,000,000	50,000,000,000	130,495,000,000	(86,500,000,000)	93,995,000,000	93,995,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	69,712,570,923	69,712,570,923	172,603,422,368	(172,435,398,976)	69,880,594,315	69,880,594,315
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	98,988,263,751	98,988,263,751	156,449,296,724	(255,437,560,475)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	61,790,545,200	61,790,545,200	96,539,000,000	(158,329,545,200)	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	40,000,000,000	40,000,000,000	117,996,562,906	(90,000,000,000)	67,996,562,906	67,996,562,906
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	19,800,000,000	19,800,000,000	47,704,874,744	(66,510,400,629)	994,474,115	994,474,115
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	16,942,183,426	16,942,183,426	175,199,448,684	(139,071,472,434)	53,070,159,676	53,070,159,676
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	99,873,600,000	(20,000,000,000)	79,873,600,000	79,873,600,000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	17,650,640,000	17,650,640,000	35,597,370,800	(35,257,871,000)	17,990,139,800	17,990,139,800
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	9,980,000,000	(4,990,000,000)	4,990,000,000	4,990,000,000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	321,817,262,315	(139,380,540,000)	182,436,722,315	182,436,722,315

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	01/01/2024		Trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	2,036,921,000	2,036,921,000	22,161,438,982	(2,036,921,000)	22,161,438,982	22,161,438,982
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1,764,000,000	1,764,000,000	-	(1,764,000,000)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	85,800,000	85,800,000	85,800,000	(85,800,000)	85,800,000	85,800,000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	12,275,634,982	-	12,275,634,982	12,275,634,982
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	9,800,004,000	-	9,800,004,000	9,800,004,000
Nợ thuế tài chính dài hạn	187,121,000	187,121,000	-	(187,121,000)	-	-
Tổng cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	452,882,758,238	452,882,758,238	1,698,340,044,542	(1,445,579,836,289)	705,642,966,491	705,642,966,491
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7,511,000,000	7,511,000,000	-	(7,511,000,000)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	178,750,000	178,750,000	-	(85,800,000)	92,950,000	92,950,000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	86,000,000,000	(3,071,428,572)	82,928,571,428	82,928,571,428
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	98,000,000,000	(3,616,667,000)	94,383,333,000	94,383,333,000
Nợ thuế tài chính dài hạn	187,121,000	187,121,000	10,079,304	(197,200,304)	-	-
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	7,876,871,000	7,876,871,000	184,010,079,304	(14,482,095,876)	177,404,854,428	177,404,854,428
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2,036,921,000	2,036,921,000	22,161,438,982	(2,036,921,000)	22,161,438,982	22,161,438,982
	5,839,950,000	5,839,950,000			155,243,415,446	155,243,415,446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024-HDCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	30,558,315,035	30,558,315,035	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 05-03/2024-HDCVHM/NHCT131-HH ngày 09 tháng 01 năm 2024.	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	27,419,285,123	27,419,285,123	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 190/2024-HDCVHM/NHCT131-THANHNAM ngày 27 tháng 08 năm 2024.	55,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	54,276,674,224	54,276,674,224	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023-HDCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49,995,000,000	49,995,000,000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông lớn (ông Lê Đức Thuận).
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN124008183/WBVN300 ngày 19/06/2024	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 07 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	20,000,000,000	20,000,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN124016148/WBVN300 ngày 25/11/2023	24,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 364 ngày	Quy định trong từng giấy nhận nợ	24,000,000,000	24,000,000,000	Bảo lãnh bằng Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VN124016198/HDCV/WBV N300 ngày 25/11/2023

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					69,880,594,315	69,880,594,315	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023					13,050,009,565	13,050,009,565	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023	70,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	48,657,895,479	48,657,895,479	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023					8,172,689,271	8,172,689,271	
	Ngân hàng TMCP Quân Đội					67,996,562,906	67,996,562,906	
4	Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TD ngày 08/08/2024	75,000,000,000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán hàng của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	67,996,562,906	67,996,562,906	- Đảm bảo bằng tài sản
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					994,474,115	994,474,115	
5	Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không TSBD số ThachionlineSME-11366296	1,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	16%	994,474,115	994,474,115	- Bảo lãnh cá nhân
	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam					53,070,159,676	53,070,159,676	
6	HDTĐ hạn mức số 112-00008871.04747/2023/HDTĐ ngày 02/08/2023 và Thông báo điều chỉnh bổ sung hạn mức số 0412/2023./TB-MSB.HMI ngày 04/12/2023	55,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh L/C của khách hàng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	53,070,159,676	53,070,159,676	- Đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
7	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam							
	Hợp đồng cấp tín dụng số DDA20241892479/HDDTD ngày 16/05/2024	80,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	79,873,600,000	79,873,600,000	- Đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam							
	Hợp đồng tín dụng số 1805- LAV-230106957 ngày 20/12/2023	18,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	17,990,139,800	17,990,139,800	- Đảm bảo bằng tài sản
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng							
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-20936-01 ngày 17/06/2024	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	4,990,000,000	4,990,000,000	- Đảm bảo bằng tài sản
10	Ngân hàng TMCP An Bình							
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	200,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	182,436,722,315	182,436,722,315	- Đảm bảo bằng tài sản
II	Vay dài hạn							
	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan							
1	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HDDTD- 0079 ngày 15/01/2021	429,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	92,950,000	85,800,000	- Đảm bảo bằng tài sản
	Ngân hàng TMCP An Bình							
2	Hợp đồng cho vay từng lần số 1142/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	86,000,000,000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	82,928,571,428	12,275,634,982	- Đảm bảo bằng tài sản
	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam							
3	Hợp đồng tín dụng số DDA20242010665/HDDTD ngày 28/06/2024; Phụ lục số DDA20242010665/HDDTD/PL 2379196 ngày 11/10/2024	98,000,000,000	Cho vay đầu tư tài sản cố định là nhà xưởng, khu văn phòng	120 tháng	9,01%/năm	94,383,333,000	9,800,004,000	- Đảm bảo bằng tài sản
	Tổng cộng các khoản vay					860,886,381,937	705,642,966,491	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2,239,369,258	1,983,427,255
	<u><u>2,239,369,258</u></u>	<u><u>1,983,427,255</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023											
Tại ngày 01/01/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	91,948,617,585	7,630,992,762	431,254,834,246					
Lãi trong kỳ trước (đã điều chỉnh hồi tố)	-	-	-	43,790,943,327	565,751,167	44,356,694,494					
Ảnh hưởng mua công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	4,479,294,194					
Giảm khác	-	-	-	(13,068,181)	-	(13,068,181)					
Tại ngày 31/12/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	135,726,492,731	12,676,038,123	480,077,754,753					
Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024											
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	135,726,492,731	12,676,038,123	480,077,754,753					
Lãi trong kỳ này	-	-	-	53,075,633,461	688,951,819	53,764,585,280					
Phân phối lợi nhuận	-	-	1,357,119,895	(2,714,239,790)	-	(1,357,119,895)					
Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	62,495,390,000	-	-	(62,495,390,000)	-	-					
Ảnh hưởng mua công ty con trong kỳ	-	-	-	-	-	993,228,060					
Công ty con tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	4,602,137,817					
Tại ngày 31/12/2024	312,493,940,000	79,978,400,000	3,055,393,794	123,592,496,402	18,960,355,819	538,080,586,015					

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	135,726,492,731
<i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	1.00%	1,357,119,895
<i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	1.00%	1,357,119,895
<i>Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 25% vốn điều lệ)</i>	46.05%	62,495,390,000
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	51.96%	70,516,862,941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ông Lê Đức Thuận.	36.06%	112,696,680,000	36.06%	90,157,350,000
Vốn góp của các cổ đông khác	63.94%	199,797,260,000	63.94%	159,841,200,000
	100%	312,493,940,000	100%	249,998,550,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312,493,940,000	249,998,550,000
- Vốn góp đầu kỳ	249,998,550,000	249,998,550,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	62,495,390,000	-
- Vốn góp cuối kỳ	312,493,940,000	249,998,550,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31,249,394	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31,249,394	24,999,855
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31,249,394	24,999,855
- Cổ phiếu phổ thông	31,249,394	24,999,855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3,055,393,794	1,698,273,899
	3,055,393,794	1,698,273,899

24 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	632,812,996,879	580,177,177,848
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	133,957,590	-
	632,946,954,469	580,177,177,848
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	6,004,450	1,863,946,761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1,468,928,678	215,221,766
Hàng bán bị trả lại	1,798,913,924	7,097,005,709
Giảm giá hàng bán	121,808,156	-
	3,389,650,758	7,312,227,475

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	578,427,991,305	521,525,399,049
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	113,682,736	-
	578,541,674,041	521,525,399,049

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	327,910,828	(318,009,622)
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,760,665,381	1,060,559,632
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,995,132	-
	2,091,571,341	742,550,010

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	13,172,438,702	7,398,103,077
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	905,315,217	755,992,839
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1,453,830,360	-
	15,531,584,279	8,154,095,916

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	24,000,000	4,749,999
Chi phí nhân công	2,815,583,383	3,853,797,659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	709,799,515	263,476,840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,203,159,878	10,900,930,697
Chi phí khác bằng tiền	486,400	292,032
	11,753,029,176	15,023,247,227

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	137,099,550	157,596,263
Chi phí nhân công	2,249,076,989	2,329,917,192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,556,508,244	1,322,327,859
Thuế, phí, lệ phí	495,868,420	540,867,775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,543,658,614	2,151,610,374
Chi phí khác bằng tiền	1,041,836,412	440,539,830
	9,024,048,229	6,942,859,293

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,952,784,852	20,877,450,047
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,304,441,069	3,965,980,791
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,304,441,069	3,965,980,791

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 (đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	53,075,633,461	43,790,943,327
Các khoản điều chỉnh	1,357,119,895	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>1,357,119,895</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54,432,753,356	43,790,943,327
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25,496,394	24,999,855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,135	1,752

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	368,650,563,171	373,208,669,803
Chi phí nhân công	9,906,543,784	11,762,905,118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,493,763,379	2,885,957,104
Chi phí thuế và lệ phí	495,290,906	540,867,775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,447,610,086	15,377,789,168
Chi phí khác bằng tiền	1,784,038,803	440,831,862
	399,777,810,129	404,217,020,830

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	77,440,195,967	-	69,971,637,261	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	527,095,302,359	-	189,389,477,462	-
Đầu tư ngắn hạn	34,907,669,396	-	24,000,000,000	-
	639,443,167,722	-	283,361,114,723	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	860,886,381,937	458,722,708,238
Phải trả người bán, phải trả khác	138,715,401,263	91,180,505,789
Chi phí phải trả	-	438,279,632
	999,601,783,200	550,341,493,659

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	77,440,195,967	-	-	77,440,195,967
Phải thu khách hàng, phải thu khác	526,945,302,359	150,000,000	-	527,095,302,359
Đầu tư ngắn hạn	34,907,669,396	-	-	34,907,669,396
	639,293,167,722	150,000,000	-	639,443,167,722
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69,971,637,261	-	-	69,971,637,261
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189,239,477,462	150,000,000	-	189,389,477,462
Đầu tư ngắn hạn	24,000,000,000	-	-	24,000,000,000
	283,211,114,723	150,000,000	-	283,361,114,723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	705,642,966,491	110,385,344,910	44,858,070,536	860,886,381,937
Phải trả người bán, phải trả khác	137,749,401,263	966,000,000	-	138,715,401,263
	843,392,367,754	111,351,344,910	44,858,070,536	999,601,783,200
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	452,882,758,238	5,839,950,000	-	458,722,708,238
Phải trả người bán, phải trả khác	91,180,505,789	-	-	91,180,505,789
Chi phí phải trả	438,279,632	-	-	438,279,632
	544,501,543,659	5,839,950,000	-	550,341,493,659

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	629,423,346,121	133,957,590	629,557,303,711
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	578,427,991,305	113,682,736	578,541,674,041
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	50,995,354,816	20,274,854	51,015,629,670
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	195,724,551,375
Tài sản bộ phận trực tiếp	523,925,169,749	-	523,925,169,749
Tài sản không phân bổ	-	-	1,100,046,628,694
Tổng tài sản	523,925,169,749	-	1,623,971,798,443
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1,085,891,212,428
Tổng nợ phải trả	-	-	1,085,891,212,428

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(1)	6,004,450	12,025,261
Công ty CP ABG Việt Nam	(2)	-	1,851,921,500
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(5)	10,874,157,702	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	4,825,942,517	6,284,923,987
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(5)	261,810	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Á Long	(1)	39,230,584	6,296,719
Công ty CP ABG Việt Nam	(2)	-	75,220
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	-	43,378,926
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(5)	5,040,934,135	-
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	1,374,601,932	9,700,243,139
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)	3,000,000,000	-
Phải trả người bán			
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	567,497,685	1,251,125,559
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	2,189,485,986	-

(1) Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần của bên liên quan.

(2) Giám đốc Công ty trên là vợ của Chủ tịch HĐQT. Đến ngày 05/12/2023, đơn vị này không còn là bên liên quan do thay đổi Giám đốc.

(3) Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan.

(4) Chủ tịch HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT của bên liên quan, Thành viên HĐQT Công ty là Tổng Giám đốc bên liên quan. Ngày 16/12/2024 trở thành bên liên quan, giao dịch phát sinh trước thời điểm trở thành bên liên quan theo Hợp đồng số 0212/HĐNT/MT-BN ký ngày 02/12/2024.

(5) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị		296,295,185	358,838,416
Ông Lê Đức Thuần	Chủ tịch HĐQT	75,000,000	37,500,000
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	42,000,000	21,000,000
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	42,000,000	21,000,000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	137,295,185	124,502,845
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	154,835,571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cố định là "Tòa nhà Bảo Ngọc 8 tầng" cho bên mua là Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bách Khoa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán quý 4 năm 2023, dẫn đến một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được trình bày lại như sau:

Chi tiêu	Mã số	Điều chỉnh hồi tố	
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	188,827,939,789	195,827,939,789
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5,000,400,000	400,000
Tài sản cố định hữu hình	221	144,024,965,064	95,832,948,221
<i>Nguyên giá</i>	222	227,435,921,452	175,241,512,556
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(83,410,956,388)	(79,408,564,335)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1,983,427,255	1,621,830,623
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	56,753,444,018	8,753,444,018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	135,726,492,731	137,172,879,256
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	43,790,943,327	45,237,329,852
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24,548,278,112	23,336,358,308
Thu nhập khác	31	9,761,112	605,824,465
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(554,167,273)	(192,570,641)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1,752	1,832
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	16,187,781,126	14,975,861,322
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,268,520,662)	(1,864,584,015)
Tặng, giảm các khoản phải thu	09	(124,726,857,007)	(131,726,857,007)
Tặng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	94,156,344,641	58,156,344,641
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	43,000,000,000

[Signature]

Lại Thị Thu Hà
Người lập

[Signature]

Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 2025